

THỦ PHỦ CHÚA NGUYỄN VỚI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG BẢN SẮC VĂN HÓA HUẾ VÀ VĂN HÓA ĐÀNG TRONG

(Capitals of Nguyen Lord with the process of building
Hue's and Dang Trong's cultural identity)^(*)

Thế kỷ XVI đến XVIII là một giai đoạn lịch sử rất đặc biệt của Việt Nam với những biến động to lớn trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Từ sự khủng hoảng và suy yếu của chế độ phong kiến tập quyền triều Lê đã dẫn đến những cuộc nội chiến khốc liệt giữa những thế lực khác nhau trong chính giai cấp thống trị, khiến cho đất nước bị chia cắt kéo dài. Bên cạnh đó, tác động mạnh mẽ của các trào lưu khu vực và của thế giới như di dân, trao đổi thương mại, truyền bá Ki tô giáo... đã góp phần tạo nên những thay đổi lớn lao của Việt Nam hồi ấy, mà tiêu biểu là sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hóa, sự mở cửa của nền kinh tế từ Bắc chí Nam cùng sự ra đời của hàng loạt phố cảng men theo miền duyên hải đất nước. Và đi cùng những thay đổi về mặt kinh tế, trật tự xã hội truyền thống đã bị phá vỡ, tư tưởng-đạo đức Nho giáo vốn được xem là tư tưởng-đạo đức chính thống để cai trị thiên hạ cũng bị khủng hoảng và lung lay dữ dội...

Từ khi Nguyễn Hoàng (1525-1613) vào trấn thủ đất Thuận Hóa đến các thế hệ con cháu của ông, do nhu cầu tồn tại đồng thời do bị thúc đẩy bởi các động cơ về chính trị và kinh tế, quá trình Nam tiến nhằm mở rộng lãnh thổ đất nước đã diễn ra mạnh mẽ gấp bội phần so với các thế kỷ trước. Hệ quả là chỉ 200 năm, Việt Nam đã có lãnh thổ hoàn chỉnh cơ bản như hiện nay.

Trên nền của bối cảnh lịch sử ấy, Đàng Trong đã hình thành và phát triển như một vương quốc độc lập, tạo nên hình ảnh một nước Việt Nam khác ở phía nam với những bản sắc văn hóa mới, phong

^(*) **TS. Phan Thanh Hải, Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế**
(Vice Director, Hue Monuments Conservation Centre)

phú và đa dạng. Chính sự đối đầu với Đàng Ngoài của vua Lê-chúa Trịnh đã làm Đàng Trong của chúa Nguyễn phát triển nhanh chóng, mà đầu não quyết định sự phát triển ấy là các thủ phủ.

Có thể phân chia quá trình phát triển của các thủ phủ chúa Nguyễn thành hai thời kỳ: Thời kỳ đóng địa bàn trên đất Quảng Trị-với vai trò đầu não của vùng đất biên viễn phía nam (Thuận-Quảng), và thời kỳ đóng địa bàn trên đất Thừa Thiên Huế-với vai trò là đầu não của Đàng Trong.

Trong bài viết này tôi muốn đề cập đến khía cạnh: Vai trò của thủ phủ đối với việc định hình bản sắc văn hóa Huế và văn hóa Đàng Trong.

1. Sự ra đời của Đàng Trong và các thủ phủ

Nguyễn Hoàng (1525-1613) là vị chúa đầu tiên của dòng họ Nguyễn xây dựng cơ nghiệp ở vùng đất mới Thuận - Quảng. Ông là người đặt nền móng cho sự hình thành của Đàng Trong, những thủ phủ đầu tiên mà ông xây dựng bên bờ sông Thạch Hãn-Quảng Trị cũng là sự chuẩn bị có tính chất tiền đề cho việc hình thành trung tâm Phú Xuân-Huế sau đó.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào Nam với tư cách một vị tướng của triều Lê Trung hưng để trấn thủ đất Thuận Hóa. Thực chất, cuộc ra đi của ông là sự đào thoát khỏi triều đình, nơi đang xảy ra cuộc cạnh tranh khốc liệt về quyền lực giữa hai dòng họ có công trung hưng lại triều Lê: họ Nguyễn và họ Trịnh. Nguyễn Hoàng, người kế thừa của dòng họ Nguyễn phải tìm một phương trời mới để dung thân và tạo lập cơ nghiệp.

Trên vùng đất mới, Nguyễn Hoàng đã tự do thi triển tài năng của mình và ông đã cực kỳ thành công khi lựa chọn một hướng đi mới: Tiếp thu và bản địa hóa chính mình, hay nói cách khác, ông đã thoát ly hẳn mô hình Nho giáo của triều Lê để Đông Nam Á hóa cả mô hình kinh tế, chính trị và văn hóa cho vương triều mà ông ươm mầm để khai sinh.

Với tài năng phi thường của mình, chỉ sau hơn 10 năm cai trị, Nguyễn Hoàng đã thay đổi hoàn toàn diện mạo của Thuận Hóa vốn nổi danh là vùng *Ô Châu ác địa*:

Chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn bán các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn¹.

Sau khi Nguyễn Hoàng qua đời năm 1613, Nguyễn Phúc Nguyên đã kế thừa sự nghiệp của Tiên chúa, quyết tâm tạo dựng một cơ nghiệp riêng cho dòng họ. Ông đã tích cực phát triển binh bị, cải cách bộ máy hành chính của Thuận Quảng theo mô hình gần gũi với Đông Nam Á². Năm 1626, để chuẩn bị cho chiến tranh với Đàng Ngoài, ông đã cho dời thủ phủ vào làng Phước Yên bên cạnh sông Bồ. Và sự ly khai của họ Nguyễn với triều Lê-Trịnh được chính thức bắt đầu một năm sau đó đánh dấu bằng cuộc đại chiến giữa quân đội hai miền Nam-Bắc. Đàng Trong chính thức ra đời.

Thủ phủ Phước Yên chỉ tồn tại trong 10 năm (1626-1636). Thời kỳ ngắn ngủi này chỉ mang tính chất thử nghiệm của chúa Nguyễn đối với việc xây dựng thủ phủ theo mô thức một đô thị.³

¹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 31.

² Sau khi kế vị cha, ngay từ năm 1614, Nguyễn Phúc Nguyên đã quyết định cải cách bộ máy cai trị của vùng đất mới theo xu hướng một chính quyền riêng, độc lập với Đàng Ngoài. Chính quyền trung ương của họ Nguyễn từ thời Nguyễn Phúc Nguyên đến năm 1744-thời điểm Nguyễn Phúc Khoát xưng vương hiệu và cải cách lại hệ thống chính quyền-về cơ bản được thiết lập theo cơ cấu như sau: Chúa Nguyễn là người đứng đầu với chức danh "Tiết chế thủy bộ chư dinh kiêm Tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự", nghĩa là nắm quyền tổng chỉ huy quân đội và quyền chỉ huy mọi công việc đối nội đối ngoại. Bên dưới có 4 vị "Tứ trụ đại thần" giúp chúa cai quản các phương diện công việc. Dưới nữa là Tam Ty với 3 cơ quan trực thuộc là ty Xá Sai, ty Tướng Thần Lại và ty Lệnh Sử (tại thủ phủ thì có thêm ty Nội Lệnh Sử và ty Lệnh Sử Đồi Gia) với chức quan đứng đầu là Đô tri, Ký lục, Cai bạ, Nha úy... Ở cấp địa phương thì chia thành các dinh, trấn quản các phủ, huyện; cấp thấp nhất là xã, thuộc. Đặc biệt, ở cấp xã, thuộc có chức danh Xã trưởng và Tướng thần (cai quản xã) hay Cai thuộc, Ký thuộc (cai quản thuộc) với cách quản lý rất đặc biệt. Có thể nói, cơ cấu chính quyền của chúa Nguyễn khác với cơ cấu chính quyền triều Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài.

³ Kết quả khảo sát tại Phước Yên cho thấy rõ, thủ phủ chúa Nguyễn đã được quy hoạch khá bài bản theo kiểu ô bàn cờ. Phủ chính nằm ở vị trí trung tâm, các công trình quan trọng và các con đường đều hướng về sông Bồ và các chi lưu bao quanh. Xem Phan Thanh Hải (2004), "Tìm hiểu nguồn gốc đô thị Huế từ việc khảo sát hệ thống thủ phủ thời các chúa Nguyễn", NCLS, số 9-10.

Ngay từ năm 1635, Nguyễn Phúc Nguyên đã cho rằng, Phước Yên đã hết vai trò lịch sử, ông bắt đầu cho quy hoạch và xây dựng cung thất tại Kim Long, dưới chân chùa Thiên Mụ.

Năm 1636, vị chúa đời thứ ba Nguyễn Phúc Lan chuyển thủ phủ Đàng Trong vào Kim Long, chính thức khai sinh ra đô thị Huế.⁴ Kể từ khi Tiên chúa Nguyễn Hoàng lập chùa Thiên Mụ đến thời điểm này đã qua ba vòng hoa giáp và cũng trải qua đúng ba đời. Theo quan niệm truyền thống, long mạch đã được củng cố, linh khí núi sông đã sung mãn thịnh vượng. Vì vậy, sự ra đời của trung tâm mới tại đất Huế là một tất yếu. Với vị thế là thủ phủ Đàng Trong, Kim Long tồn tại trong 51 năm (1636-1687). Ngay trong thời kỳ này, Huế đã mang tầm vóc của một đô thị quy mô với trục liên kết kinh tế độc đáo: Kim Long-Thanh Hà-Hội An. Thời kỳ phát triển của thủ phủ Kim Long cũng là thời kỳ Đàng Trong được mở rộng mạnh mẽ về phía Nam, nhất là trong thời Nguyễn Phúc Tần (1648-1687)⁵.

Năm 1687, chúa Nguyễn Phúc Thái chuyển phủ chính về phía hạ lưu 5 dặm, đặt trên đất Phú Xuân, biến Kim Long thành phủ thờ.⁶

⁴ Tôn Nữ Quỳnh Trân căn cứ trên các tiêu chí về đô thị học cũng đã chứng minh rằng, thủ phủ Kim Long đã xứng tầm một đô thị thời tiền cận đại. Xem Tôn Nữ Quỳnh Trân (2006), “Bàn thêm về thời điểm ra đời của đô thị Huế”, Kỷ yếu Hội thảo 700 năm Thuận Hóa-Phú Xuân-Thừa Thiên Huế, Hội KHLS Thừa Thiên Huế, Huế.

⁵ Xem *Đại Nam thực lục* (Nxb Giáo dục, 2004, tập 1) có thể thấy rõ diễn biến của cuộc Nam tiến trong thời kỳ này diễn ra với các mốc chính sau:

Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần sai Cai cơ Hùng Lộc đánh quân Chiêm ra xâm lấn Phú Yên, lấy tiếp đất đến sông Phan Rang, lập ra dinh Thái Khang gồm hai phủ Thái Khang và Diên Ninh (tr 62).

Đối với Chân Lạp, năm 1658, chúa Nguyễn Phúc Tần sai Tôn Thất Yển, Phó tướng dinh Trấn Biên đem 3.000 quân vào đánh Chân Lạp ở Hưng Phúc (nay thuộc Biên Hòa), bắt sống cả vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân. Sau khi thả Nặc Ông Chân về, điều kiện đưa lưu dân Việt vào sinh sống làm ăn trên đất Nam Bộ lại càng thuận lợi (tr 72).

Năm 1674, chúa Nguyễn Phúc Tần lại sai Thống binh Nguyễn Dương Lâm dẫn quân tấn công Chân Lạp, chiếm cả đất Sài Gòn, khiến ảnh hưởng của họ Nguyễn đối với Nam Bộ càng lớn (tr 89).

Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần đã lợi dụng sức mạnh của đoàn quân tướng triều Minh xin tỵ nạn gồm hơn 3000 người do Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên cầm đầu để đưa vào khai thác, mở mang đất Đông Phố, tạo lập nên một vùng đất trù phú suốt từ Biên Hòa đến Mỹ Tho (tr 91).

Vị trí trung tâm của Huế trên Vương đảo (vùng đất tạo bởi hai con sông Hương và Kim Long) được xác định không chỉ để hài hòa hơn về phong thủy mà còn hợp lý hơn trong việc mở rộng quy mô đô thị và phát triển kinh tế. Phú Xuân trong thời kỳ này đã thực sự trở thành đầu mối để điều tiết hoạt động kinh tế của Đàng Trong theo cả hai trục Bắc-Nam (kinh tế nông nghiệp) và Đông-Tây (kinh tế trao đổi thương nghiệp). Chính vì vậy, dù có thời kỳ phủ chính chuyển ra làng Bác Vọng (1712-1738) nhưng vị thế và vai trò của Phú Xuân Huế vẫn không thay đổi.

Năm 1738, chúa Nguyễn Phúc Khoát chuyển phủ chính về lại Phú Xuân, mở rộng quy mô đô thị và sau đó chính thức gọi thủ phủ của Đàng Trong là Đô thành.⁷ Đây chính là thời kỳ đỉnh cao của Huế cho đến trước thế kỷ XIX với một kiểu thức đô thị độc đáo và những đặc điểm riêng rất khác trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của Đàng Ngoài là Thăng Long-Đông Đô hồi bấy giờ.

Cũng từ đây, Đàng Trong được mở rộng và hoàn thiện với toàn bộ phần đất đai, lãnh hải của miền Nam hiện nay.⁸

2. Thủ phủ đóng vai trò là trung tâm trong việc kế thừa và phát huy các yếu tố văn hóa truyền thống của dân tộc

Khi nhận xét về tính mỹ thuật trong bố cục và đề tài trang

⁶ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, (in trong *Lê Quý Đôn toàn tập*- tập I), bản dịch của Viện Sử học, Nxb KHXH, Hà Nội, tr 63.

⁷ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sđd, tr 148-151.

⁸ Công cuộc Nam tiến vẫn được tiếp tục đẩy mạnh từ khi thủ phủ chuyển về Phú Xuân. Các sự kiện tiêu biểu tính đến khi chúa Nguyễn hoàn thành công cuộc Nam tiến được *Đại Nam thực lục* ghi lại rất rõ:

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Kính đem quân đi kinh lược đất Chân Lạp, lấy đất lập dinh Trấn Biên, dinh Phiên Trấn và đặt phủ Gia Định để quản lãnh hai dinh trên, mở rộng thêm đất được nghìn dặm với hơn 4 vạn hộ dân... (tr 111).

Năm 1708, Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên và được bổ chức Tổng binh trấn Hà Tiên, lãnh thổ Đàng Trong được mở rộng về phía Tây Nam Bộ (tr 122).

Năm 1731, chúa Nguyễn Phúc Trú sai Thống suất Trương Phước Vĩnh đem quân vào đất Chân Lạp. Năm 1732, chia đặt thêm châu Định Viễn và dựng dinh Long Hồ (tức tỉnh Vĩnh Long ngày nay) (tr 142-143).

Năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát lấy nốt các phần đất còn lại đặt đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, đạo Kiên Giang ở Rạch Giá, đạo Long Xuyên ở Cà Mau (tr 166-167).

trí của những di vật thời kỳ chúa Nguyễn, các nhà nghiên cứu của Viện Mỹ thuật Việt Nam đã cho rằng, bên cạnh một số yếu tố có vẻ “xa lạ” với truyền thống Việt, rất nhiều loại hoa văn và đề án trang trí của chúng vẫn thống nhất một phong cách với nghệ thuật đất Bắc. Và “*đứng trước những hiện vật này người quen thuộc với nghệ thuật cổ xứ Bắc không khỏi ngạc nhiên và dẫn đến một nhận xét rằng: sự chia cắt đất nước của hai tập đoàn Trịnh và Nguyễn đã không chia cắt được dân tộc và nền văn hóa truyền thống của người Việt*”.⁹

Đây là một nhận xét khách quan và có căn cứ.

Từ đầu thế kỷ XIX, sau cuộc hôn nhân chính trị Huyền Trân - Chế Mân cho mãi đến sau này, những lớp di dân Nam tiến người Việt, dù đi tới vùng đất nào vẫn mang theo tâm thức văn hóa truyền thống. Hướng về cội nguồn đất Bắc cũng đồng nghĩa với tình yêu đất nước và quê hương:

*Từ độ mang gươm đi mở cõi,
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

(Huỳnh Văn Nghệ)

Tâm thức văn hóa truyền thống Việt cũng chính là cơ sở về mặt tinh thần giúp họ trụ vững trên miền đất mới mà không bị đồng hóa ngược bởi nền văn hóa bản địa, như trường hợp dân tộc Mãn Thanh sau khi vào Trung Nguyên. Nhưng phải từ khi họ Nguyễn vào đất Thuận Hóa trở về sau, những truyền thống văn hóa tính thần mới được xây dựng một cách có định hướng mạnh mẽ. Cùng với việc thờ cúng tổ tiên, tục thờ Thành hoàng được khuyến khích. Những ngôi đình làng được dựng nên khắp nơi để cố kết nối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng. Các chúa Nguyễn còn hết sức xiển dương và tạo mọi điều kiện cho Phật giáo Đại Thừa, một tôn giáo quen thuộc của người Việt, gây dựng ảnh hưởng trong xứ sở của mình.

⁹ Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên) (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế - Viện Mỹ thuật, Huế, tr 50.

*“... nhà Nguyễn không xóa bỏ các truyền thống Việt Nam khác: đặc biệt họ sùng kính đạo Phật phái Đại thừa, coi đó là những nền tảng cho những nhu cầu về ý thức và tâm linh đối với dòng họ cầm quyền. Đạo Phật là chỗ dựa cho ý thức dân tộc Việt Nam và củng cố vị thế hợp pháp của họ Nguyễn.”*¹⁰

Từ thời kỳ Phước Yên đóng vai trò là thủ phủ của Đàng Trong trở về sau, họ Nguyễn đã dần dần công khai ý đồ thành lập một vương quốc riêng, ly khai với Đàng Ngoài. Các thủ phủ-kinh đô của “vương quốc” mới này đã được xây dựng với phong cách khá đặc trưng nhưng vẫn là một “*đô thị giữa hai dòng sông*” theo mô thức truyền thống của phần lớn đô thị Việt ở đồng bằng Bắc Bộ. Triều đình họ Nguyễn từ Kim Long đến Phú Xuân dù đã cố gắng xây dựng những nghi thức, nghi vệ, cho riêng mình nhưng thực chất vẫn là sự mô phỏng các kiểu thức của triều đình nhà Lê ở miền Bắc.¹¹ Và bản thân chúa Nguyễn, cho đến năm 1744, khi Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, công khai lập một nước riêng, thì vẫn coi mình là thần dân nước Việt, sử dụng niên hiệu của vua Lê trong tất cả các văn bản, giấy tờ.

Ở một lĩnh vực khác là lễ nhạc cung đình, họ Nguyễn cũng đều dựa trên truyền thống nghi lễ và âm nhạc dân tộc. Trong thời kỳ phủ chúa đóng ở Phước Yên, Nguyễn Phúc Nguyên đã gặp Đào Duy Từ, một nhân tài của đất Bắc nhưng không được họ Trịnh trọng dụng vì xuất thân từ gia đình ca kỹ. Đào Duy Từ đã giúp chúa Nguyễn không chỉ về binh bị mà còn về việc xây dựng lễ nhạc cung đình. Nhà nghiên cứu Tuồng Hoàng Châu Ký cho rằng: “*Đào Duy Từ đã tổ chức Thự Hòa Thanh gồm có đội Nhã nhạc cung đình, đội múa cung đình và đội Tuồng hát bội cung đình gọi là đội ca vũ; diễn viên Tuồng hát bội gọi là ca công*”.¹² Nhưng bản thân Nhã nhạc hay

¹⁰ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Bản dịch của Nguyễn Nghi, Nxb Trẻ, TP HCM, tr. 112.

¹¹ Giáo sĩ A.de.Rhodes đã ghi nhận: “Cả hai (Đàng Ngoài và Đàng Trong - PTH) đều cùng một hiến pháp và gần như cùng một phong tục” [A.D.Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, bản dịch của Hồng Huệ, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr 49].

¹² Hoàng Châu Ký (2001), “Tuồng cung đình ở cố đô Huế”, in trong *Bảo tồn và phát huy giá trị Tuồng cung đình Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản, Huế, tr. 31.

Tuồng đều có nguồn gốc từ đất Bắc, do chính họ Đào đem vào và được tạo điều kiện để truyền bá một cách chính thống. Theo một số nguồn tư liệu lịch sử, cho đến thời kỳ phủ chúa về Kim Long, phần lớn các ca nữ, vũ nữ hoạt động trong triều đình họ Nguyễn đều là người miền Bắc hoặc có gốc là người Thanh-Nghệ.¹³

Như vậy, các thủ phủ vẫn là một trung tâm trong sự kế thừa và phát huy các truyền thống của dân tộc trên vùng đất mới. Điều đáng nói là sự kế thừa ấy mang tính linh hoạt và có sự sáng tạo rất cao nên các truyền thống văn hóa Việt ngày càng có thêm sức mạnh và khả năng hòa nhập. Bởi vậy, nền văn hóa xứ Đàng Trong, dù đã được họ Nguyễn cố tình xây dựng theo một mô hình mới, thì vẫn là một nền văn hóa Việt với tâm thức luôn luôn gắn bó và hướng về cội nguồn. Bởi vậy, dù bị các tập đoàn phong kiến chia cắt đến 200 năm, nhưng ngay sau khi biên giới ngăn cách giữa hai miền Đàng Trong, Đàng Ngoài bị xóa bỏ, văn hóa hai miền Nam-Bắc đã nhanh chóng hòa hợp thống nhất.

3. Vai trò của các thủ phủ trong việc tiếp quản và kế thừa các yếu tố văn hóa bản địa cùng các yếu tố văn hóa mới để định hình nên bản sắc văn hóa Đàng Trong

Một trong những đặc tính đã làm nên sức mạnh của văn hóa Việt là khả năng tiếp thu, chắt lọc những tinh hoa của nền văn hóa khác để biến thành cái của mình. Khi vào tiếp quản Thuận Hóa và dần dần chiếm lĩnh cả Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã phải đương đầu với một bối cảnh xã hội hoàn toàn mới. Nền văn hóa bản địa vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn minh Ấn Độ của người Chăm, người Khmer và các dân tộc thiểu số có nhiều điểm khác xa với văn hóa Việt, vốn mang nặng ảnh hưởng của nền văn hóa Nho giáo. Tuy nhiên, các chúa Nguyễn đã khéo léo biết kế thừa, tiếp thu những điểm ưu việt hay có lợi trong nền văn hóa bản địa để phục vụ cho sự phát triển của mình.

¹³ Sách *Đại Nam thực lục* có đề cập tới việc chúa Nguyễn Phúc Tần sai Chương dinh Nguyễn Phúc Kiều giết một ca nữ nổi tiếng nhất của mình là thị Thừa, người Nghệ An bởi sợ bản thân có thể rơi vào vòng trụy lạc [sđd, tr. 82].

Ngay từ khi mới vào trấn thủ xứ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã rất khôn ngoan tạo ra sự thừa nhận và ủng hộ của các vị thần bản địa đối với ông. Ở Ái Tử, ông được thần sông báo mộng và bày cách để đánh bại Lập Bạo; đến Huế, ông lại tự coi mình là chân chúa theo lời truyền của bà tiên “quần xanh áo đỏ” hiện hình trên đồi Hà Khê, để từ đó mà khởi dựng chùa Thiên Mụ, củng cố vùng đất, chuẩn bị cho cơ nghiệp lâu dài cho dòng họ.

Điều đáng chú ý ở đây là Nguyễn Hoàng đã biết đồng hóa hình ảnh vị thần đất vĩ đại Po Nagar của người Chăm với hình ảnh một bà tiên của Đạo giáo (Thiên Mụ hay Thiên Mẫu) thân thuộc của người Việt cùng lời tuyên bố về vai trò đặc biệt của ông đối với tương lai vùng đất. Đây là một việc làm có ý nghĩa chính trị to lớn, một cách tuyệt vời để “bản địa hóa” và chính danh sự nghiệp của mình. Ngay sau khi được xây dựng, chùa Thiên Mụ đã trở thành biểu tượng của sự linh thiêng, biểu tượng của sự hòa hợp các loại hình tôn giáo tín ngưỡng tại địa phương, và cũng là biểu tượng cho sự ủng hộ của thần linh bản địa đối với họ Nguyễn.

Về mặt văn hóa, người Đàng Trong đã nhanh chóng tiếp thu các tập quán văn hóa phù hợp của người bản địa, từ cư trú, đi lại, sản xuất, ăn mặc cho đến các hình thức sinh hoạt tinh thần.

Hình thức cư trú của người Đàng Trong rất gần gũi với các dân tộc ở Đông Nam Á, phần lớn họ đều ở nhà sàn. Nửa đầu thế kỷ XVII, khi đến Đàng Trong, cả Cristophoro Bori và Alexandre de Rhodes khi đến khu vực Huế đều có chung mô tả rằng: “tất cả ngôi nhà đều dựa vào những hàng cột cao, chắc và đóng rất sâu, rồi lắp ván, nhưng người ta có thể tháo gỡ ra và thay thế bằng phen liếp hay để trống cho thuyền qua lại tự do vào mùa lụt lội”¹⁴. Li Tana thì căn cứ vào một số nguồn tư liệu lịch sử để cho rằng, tập quán ở nhà sàn của người Đàng Trong còn kéo dài đến cuối thế kỷ XVIII.¹⁵

¹⁴ Christophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621 (Cochinchina)*, bản dịch của Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr 48.

¹⁵ Li Tana (2001), “Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII - Một mô hình khác của Việt Nam”, In trong tập *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*, Tạp chí Xưa & Nay - Nxb Trẻ, Hà Nội, tr 191.

Về phương tiện đi lại, các loại thuyền của người Đàng Trong đều vay mượn kỹ thuật của người Chăm, nhất là các loại thuyền đi biển. Một số nhà nghiên cứu còn phát hiện ra sự tương đồng giữa cách phát âm chữ *ghe* trong tiếng Việt với chữ *gai* (nghĩa là dây neo cột buồm) trong tiếng Mã Lai, hay tên Việt của chiếc *ghe bầu* chính là biến âm của tiếng Mã Lai chữ *Prahu* (nghĩa là chiếc thuyền nhỏ)...¹⁶

Trong công cụ sản xuất, người Việt ở Đàng Trong đã sử dụng chiếc cày ruộng của người Chăm, nhưng chế tác thêm để nó khỏe hơn và có bộ phận chỉnh góc. Chiếc cày mới này có một số bộ phận còn giữ tên gọi kiểu Chăm, một số bộ phận lại có tên Việt. Trong ẩm thực, người Việt ở Đàng Trong đến nay vẫn giữ một số thói quen ăn uống và món ăn của người Chăm, như tục ăn gỏi, thích ăn các loại mắm nêm, mắm ruốc, mắm cá... Còn trong ăn mặc, chiếc áo dài Huế nổi tiếng cũng có nguồn gốc từ chiếc áo dài của phụ nữ Chăm, và nó rất khác kiểu áo tứ thân của phụ nữ miền Bắc. Ngay cả tục xây mộ cho người chết, người Đàng Trong, nhất là người miền Trung đều áp dụng kiểu xây mộ của người Chăm.¹⁷

Ảnh hưởng lối sống của người bản địa, nhất là người Chăm đối với người Việt ở Đàng Trong còn thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác. Li Tana cho rằng, người Việt đã theo gương người Chăm trong việc tích cực mở cửa và đẩy mạnh việc buôn bán với người nước ngoài; thái độ đối với việc buôn bán của chính quyền và người dân Đàng Trong cũng rất nhiệt tình, cởi mở, khác hẳn với ở Đàng Ngoài. Đặc biệt, người Đàng Trong còn tiếp thu cả các tập tục khác của người Chăm như tục đấu voi-hổ (mà đến nay, di ảnh của nó là di tích Hồ Quyền vẫn còn tại Huế), việc buôn bán nô tỳ (hầu như không có ở đất Bắc), và thậm chí cả nghề cướp biển.

Như vậy, việc sử dụng Phật giáo Đại Thừa với tư cách như một quốc giáo của chính quyền họ Nguyễn không chỉ nhằm làm chỗ dựa cho ý thức tư tưởng truyền thống Việt trên vùng đất mới mà còn

¹⁶ Li Tana (2001), "Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII - Một mô hình khác của Việt Nam", In trong tập *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*, sđd, tr 193.

¹⁷ Li Tana (2001), "Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII - Một mô hình khác của Việt Nam", In trong tập *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*, sđd, tr 192.

là phương tiện để dung nạp các hệ tư tưởng và văn hóa mới, trong đó có việc kế thừa có chọn lọc các yếu tố văn hóa bản địa. Đối với công việc này, các thủ phủ thực sự đã nắm vai trò trung tâm trong việc hội tụ và tiếp biến các yếu tố văn hóa mới để hình thành nên sắc thái văn hóa đặc biệt của Đàng Trong.

Trong công trình nghiên cứu về lịch sử, kinh tế và xã hội của Đàng Trong, thế kỷ XVII-XVIII, Li Tana đã dành hẳn một chương để phân tích về nền văn hóa của xứ sở này và lấy tựa đề là: “*Cuộc sống ở Đàng Trong: Hội nhập và sáng tạo*”. Bà cho rằng khi tiến xuống phía Nam, người Việt ở Đàng Trong đã tiếp xúc chặt chẽ với các dân tộc địa phương thuộc các nền văn hóa khác biệt. Đứng đầu trong số các dân tộc này là người Chăm. Các di dân người Việt đã tiếp nhận và thích nghi một cách thoải mái với nhiều yếu tố của nền văn hóa Chăm trong một quá trình dài vay mượn có chọn lọc cái mới và loại bỏ cái cũ không còn phù hợp nơi vùng đất mới. Tác động qua lại phong phú này cuối cùng đã cho ra đời một ý thức về bản sắc Việt Nam, cắm rễ sâu trong môi trường xã hội, văn hóa và tự nhiên của vùng đất mới ở phía Nam.¹⁸

Cái mà Li Tana gọi là bản sắc văn hóa Việt Nam trên vùng đất mới chính là những sắc thái văn hóa đặc trưng mà những lớp di dân Việt đã tạo dựng được trên cơ sở các giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với các giá trị văn hóa mới nhằm thích nghi với những điều kiện mới.

Quá trình tạo dựng trên diễn ra đồng thời với quá trình di dân Nam tiến nhưng buổi đầu nó còn khá yếu ớt bởi sự lấn át của ý thức “chinh phục”, “thuần hóa” của những người đứng đầu chính quyền Trần, Hồ, Lê. Chỉ đến khi họ Nguyễn vào Nam và ý thức ly khai trở nên chín muồi thì quá trình trên mới được đẩy mạnh.

Trong thời kỳ xây dựng các thủ phủ, nhất là từ thời kỳ Kim Long-Phú Xuân, cùng với cuộc chiến khốc liệt với họ Trịnh ở Đàng Ngoài để bảo vệ cơ đồ của mình, các chúa Nguyễn đều rất chú ý xây dựng một bản sắc văn hóa riêng cho xứ sở. Trên nền tảng các giá trị

¹⁸ Li Tana (2001), “Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII”, sđd, tr 193.

văn hóa truyền thống, họ Nguyễn cho phép, thậm chí khuyến khích tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới. Đạo Kitô được tự do truyền bá (thời gian chưa xảy ra xích mích với người Hà Lan); các yếu tố văn hóa Trung Hoa do người Minh Hương đem tới được tiếp nhận thoải mái;¹⁹ những yếu tố văn hóa bản địa của người Chăm, nếu phù hợp đều được tiếp thu.

Họ Nguyễn còn cho phép người Nhật, người Hoa đảm nhận một số chức quan trong bộ máy chính quyền của mình; thậm chí họ còn sử dụng cả người phương Tây trong triều đình, tuy chỉ làm bác sĩ hoặc thầy dạy học. Đây là điều chưa từng xảy ra trong các triều đại trước đó. Đối với các nhóm di dân người Hoa, nhất là các cộng đồng thương nhân, họ Nguyễn đã cho phép họ định cư tại các thành phố có cảng khẩu buôn bán như Huế, Hội An, Quy Nhơn, Sài Gòn, Hà Tiên. Họ Nguyễn không chỉ lợi dụng tới đa vai trò của người Hoa trong việc buôn bán hay mở mang đất đai mà còn thông qua họ để mời gọi các vị hòa thượng Phật giáo Đại Thừa người Trung Quốc có uy tín đến Đàng Trong “hoằng dương chánh pháp”. Thực tế tại khu vực Huế cho thấy, các vị hòa thượng khai sơn các ngôi chùa lớn như Thiên Mụ, Báo Quốc, Từ Đàm, Quốc Ân... đều là người Trung Quốc²⁰.

Qua quá trình kết hợp và phát huy các yếu tố văn hóa truyền thống với các yếu tố văn hóa bản địa và những yếu tố văn hóa mới được du nhập vào Đàng Trong, tại vùng đất mới phía nam này đã dần dần hình thành nên một nền văn hóa mới, vẫn là văn hóa Việt nhưng lại có những sắc thái mới lạ và rất phong phú. Điều này thể hiện rõ qua các di sản vật thể và phi vật thể của Đàng Trong hiện vẫn còn được bảo lưu hoặc kế thừa.

¹⁹ Khảo sát của Trần Đại Vinh trong *Tín ngưỡng dân gian Huế* cho thấy, đó là tục thờ Thiên Hậu, thờ thần Tài, thờ Tam vị vương gia và Ngũ vương, thờ Quan Thánh đế quân... [Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 53-112]

²⁰ Chùa Thiên Mụ tuy do Nguyễn Hoàng sai dựng từ năm 1601, đến năm 1695 hòa thượng Thích Đại Sán mới được mời tới “hoằng dương chánh pháp” nhưng nay chùa vẫn thờ Đại Sán như vị tổ khai sơn. Các chùa tổ đình khác của Huế do các hòa thượng nổi tiếng người Trung Quốc khai sơn tiêu biểu như, chùa Báo Quốc là hòa thượng Giác Phong, chùa Từ Đàm là Minh Hoằng Tử Dung, chùa Quốc Ân là hòa thượng Tạ Nguyên Thiều.

Đối với văn hóa vật thể, hệ thống di tích, di vật thời chúa Nguyễn hiện còn tại Huế có thể được xem là một minh chứng tiêu biểu.

Như đã đề cập, trên địa bàn thành phố Huế hiện nay vẫn còn bảo lưu được một số di tích, di vật liên quan đến thời kỳ chúa Nguyễn. Tuy không thật phong phú nhưng chúng đều là văn vật rất quý, phản ánh khá điển hình các thành tựu về nghệ thuật cũng như phong cách thẩm mỹ của giai đoạn này. Đó là các di tích lăng mộ Chiêu Nghi, mộ các đại thần thời các chúa, các hiện vật bằng đồng như: vạc, súng (đại bác), chuông, khánh, gương đồng...; các hiện vật bằng gạch đá như bia đá, gạch vồ và một số cổ vật gốm sứ... Những di tích di vật này chủ yếu đều có niên đại thuộc thời kỳ Kim Long-Phú Xuân, tức là thời kỳ hình thành đô thị Huế.

Di tích lăng mộ thời chúa Nguyễn thể hiện phong cách khá độc đáo, nhưng chắc chắn chịu ảnh hưởng của phong cách lăng mộ của người Chăm và cả của người Minh Hương mang đến từ Trung Quốc.²¹

Các di vật thời chúa Nguyễn thể hiện một phong cách riêng biệt và khá độc đáo. Về mặt chế tác, có thể nói, phần lớn các di vật này đều là đạt đến trình độ kỹ thuật rất cao, đặc biệt là những đồ đồng. Các nghệ nhân thời chúa Nguyễn, đã biết kết hợp một cách khéo léo các kỹ thuật truyền thống đem vào từ đất Bắc với kỹ thuật đúc đồng tiên tiến của châu Âu để tạo nên những sản phẩm có quy mô đồ sộ. Những chiếc vạc đồng nặng hàng nghìn cân với dáng vẻ khá lạ lẫm so với các đỉnh vạc phương Đông truyền thống. Còn "...những khẩu súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa phỉ thúy, văn vẽ sáng ngời"²² không chỉ khiến hòa thượng Thích Đại Sán hồi cuối thế kỷ XVII trầm trồ mà ngay cả đến nay vẫn làm không ít người kinh ngạc và thán phục.

²¹ Li Tana căn cứ vào ý kiến của Đỗ Văn Ninh để cho rằng, lăng mộ miền Trung có phong cách khác hẳn lăng mộ miền Bắc và miền Nam do chịu ảnh hưởng của phong cách lăng mộ người Chăm [Li Tana, "Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII - Một mô hình khác của Việt Nam", In trong tập *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*, sđd, tr 198], nhưng chúng tôi còn cho rằng, lăng mộ các chúa Nguyễn, các phi vợ chúa còn chịu ảnh hưởng phong cách lăng mộ Trung Quốc thời Minh [Phan Thanh Hải (2005), "Di tích thời chúa Nguyễn trên đất Thừa Thiên Huế", *Tc Xưa & Nay*, số 5].

²² Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế - UB Phiên dịch sử liệu Việt Nam, Huế, tr 34.

Điều đáng nói là ngay từ thời kỳ thủ phủ đóng tại Kim Long, nghề đúc đồng ở Huế đã định hình nên một phong cách riêng, đề từ đó về sau ngày càng được bồi đắp và phát triển, trở thành một trong những nghề truyền thống nổi tiếng nhất của Huế. Về trang trí mỹ thuật, phần lớn các sản phẩm của thời kỳ này đều thể hiện sự linh hoạt trong lối kết hợp giữa các đề tài truyền thống của mỹ thuật với các đề tài trang trí của cư dân bản địa và cả một số đề tài trang trí của phương Tây.²³ Nhìn chung các di vật của thời kỳ Kim Long-Phú Xuân đều được trang trí rất nhiều, không chỉ trên vạc đồng, súng đồng mới có “khảm châu sa phi thủy” mà trên những đồ sứ, phần nhiều cũng được trang trí bằng các bức tranh vẽ cầu kỳ với trình độ mỹ thuật rất cao.²⁴

Tuy chưa thể khẳng định nhưng chúng ta có quyền nghĩ rằng, đến thời kỳ Kim Long-Phú Xuân, tại Đàng Trong đã định hình hoặc ít ra là góp phần quan trọng cho việc định hình một phong cách mỹ thuật mang đặc trưng của Huế, một phong cách mỹ thuật ưu nhã, tinh tế và thiên về tính trang trí mà sau này, thời các vua Nguyễn đã kế thừa khá trọn vẹn. Bên cạnh đó, một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu của văn hóa cung đình Huế như tuồng, ca Huế đều được hình thành từ thời chúa Nguyễn và ngay từ đầu đã tạo nên một phong cách riêng. Tuồng cung đình Huế tuy có nguồn gốc từ đất Bắc, do Đào Duy Từ đem vào truyền bá, nhưng vẫn mang bản sắc của “Tuồng Đàng Trong” do phần lớn được sáng tác trong bối cảnh mới. Còn ca Huế, theo Trần Văn Khê, là một loại hình ca nhạc quý tộc mang đậm tính chất địa phương vùng Huế tuy trong các làn điệu có cả “Hơi Bắc”

²³ Trần Lâm Biền cho rằng: “...vào thế kỷ XVII, sự xâm nhập của tư bản phương Tây vào xã hội Việt ngày một mạnh. Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn đã mở cửa cho thương nhân Bồ Đào Nha vào buôn bán. Để đổi lại, ngoài việc giúp đỡ nhà Nguyễn về kinh tế, các chuyên gia Bồ đã tham gia vào cả lĩnh vực văn hóa nữa. Tư tưởng cát cứ đòi hỏi việc đúc vạc đồng nhưng ở vùng đất “mới khai phá”, truyền thống và khả năng đều chưa có, thì sự tham gia của các chuyên gia ngoại quốc là điều phù hợp với hoàn cảnh, kết quả đó đã đưa tới một số vạc là sản phẩm của hai nền văn hóa Đông-Tây. Trên các vạc này có nhiều đề tài và bố cục trang trí có sự xa lạ với nghệ thuật truyền thống” [Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên) (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế - Viện Mỹ thuật, Huế, tr 50].

²⁴ Trong số các đồ sứ thế kỷ XVII còn lưu giữ được tại Huế hiện nay, có một số hình ảnh trang trí mang giá trị nghệ thuật và giá trị sử liệu cao như các bức tranh vẽ cảnh chùa Thiên Mụ, cảnh biển Tư Hiền, đèo Hải Vân.

(những làn điệu vui vẻ, nhanh mạnh, có nguồn gốc từ miền Bắc) và “Hoi Nam” (những làn điệu trầm buồn, tiết tấu chậm và trữ tình).

4. Kết luận

Với một quá trình lâu dài đóng vai trò trung tâm chính trị quân sự, văn hóa và cả kinh tế của Đàng Trong, các thủ phủ đã có vai trò thật quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xứ sở này. Đây chính là bộ chỉ huy của các cuộc chiến đấu và giành chiến thắng trong cuộc chiến với Đàng Ngoài, bảo vệ được cơ đồ của họ Nguyễn ở phương Nam. Cũng từ đây, công cuộc Nam tiến diễn ra mạnh mẽ và hiệu quả, để lãnh thổ đất nước không ngừng được mở rộng. Đối với công cuộc đô thị hóa tại Thuận Hóa và Đàng Trong, từ các thủ phủ với chính sách ngoại thương rộng mở, với việc xây dựng một mô hình *đô + thị* tiêu biểu *Kim Long - Thanh Hà - Hội An*, hay *Phú Xuân-Thanh Hà-Hội An...* đã thực sự làm cho nền kinh tế hàng hóa trong toàn xứ có bước phát triển nhảy vọt, tạo cho Đàng Trong một diện mạo kinh tế thật phong phú và phồn thịnh. Các thủ phủ còn góp phần quan trọng trong việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trên cơ sở đó lại có sự tiếp thu rộng rãi và linh hoạt các yếu tố văn hóa bản địa và yếu tố văn hóa ngoại lai để định hình nên những sắc thái văn hóa đặc biệt của Đàng Trong. Chính vì vậy, trong một khảo cứu về văn hóa Đàng Trong ở thế kỷ XVII-XVIII, Li Tana đã nhận xét:

*Từ thế kỷ XVII, châu thổ sông Hồng không còn là trung tâm độc nhất về văn minh của người Việt Nam: một trung tâm mới- Phú Xuân (Huế) thách thức với Thăng Long (Hà Nội) và một vùng xã hội kinh tế thứ hai quan trọng- Thuận Quảng, hình thành ở xa châu thổ sông Hồng.*²⁵

Riêng đối với Huế, các thủ phủ Kim Long-Phú Xuân cũng là những đô thị đầu tiên của người Việt gắn liền với dòng sông Hương. Với gần 140 năm tồn tại và phát triển (1636-1775), thời kỳ Kim Long-Phú Xuân đã đặt cơ sở và bước đầu định hình cho một phong cách Huế - không chỉ về đặc trưng đô thị mà còn bao hàm nhiều mặt của khái niệm văn hóa.

²⁵ Li Tana, “Xứ Đàng Trong thế kỷ XVII và XVIII - Một mô hình khác của Việt Nam”, sđd, tr. 186.